



Thuyết minh city tour Hà Nội – Phần 3

IV. Quảng trường Ba Đình

Rất vui khi được gặp lại quý khách trong chặng tiếp theo của cuộc hành trình! Kính thưa quý khách, chúng ta vừa trải qua những giây phút thư giãn trong không gian của Phở 24. Tôi hi vọng mọi người đã có một bữa trưa ngon miệng khi thưởng thức sự tinh túy của ẩm thực thủ đô.

Chúng ta vừa đi qua Hàng Bún, tạm chia tay với phố cổ sầm uất để đến với trái tim của Hà Nội. Con đường mà xe chúng ta đang đi qua là Quán Thánh. Không phải đơn giản mà con đường này có cái tên ấy, khu vực này tập trung rất nhiều đền chùa, những di tích mang đậm tính tôn giáo Việt. Quán Thánh có nghĩa là nơi tụ, mảnh đất của thánh thần. Không thể không nhắc đến đền Quán Thánh- 1 trong Thăng Long tứ trấn, cụm di tích Hồ Tây... đã tạo ra 1 thương hiệu du lịch của Thủ đô.

Đối với người dân Việt Nam, Thủ đô Hà Nội không chỉ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, mà Hà Nội còn lưu giữ trong mình rất nhiều di tích lịch sử, di tích văn hóa và cách mạng. Chúng ta đang tiến lại gần với Quảng trường Ba Đình, nơi 63 năm trước đã chứng kiến giờ phút lịch sử trọng đại của dân tộc ngày Tuyên bố độc lập 2-9-1945, nơi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trước mắt chúng ta là Phủ Chủ tịch, nơi làm việc của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cuối thế kỷ 19, trong quá trình xâm lược Việt Nam, người Pháp đã tổ chức ra một bộ máy khá hoàn chỉnh từ trung ương cho đến địa phương. Ở trung ương là Phủ toàn quyền Đông Dương; ở các kỳ là Thống sứ, Khâm sứ, Thống đốc; ở các tỉnh là các Công sứ... nhằm phục vụ cho việc cai trị Việt Nam.

Sau khi chiếm được Hà Nội vào năm 1883, người Pháp đã tiến hành xây dựng thành phố Hà Nội mới, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, trong đó có trụ sở Phủ toàn quyền Đông Dương, phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Phủ toàn quyền Đông Dương (có tên tiếng Pháp là Gouvernement Général de L'Indochine) do kiến trúc sư Ch.Lichtenfelder thiết kế và được xây dựng trong những năm 1901-1906 với quy mô hoành tráng, uy nghiêm và quyền lực. Có nguồn cho biết người phụ trách xây dựng phủ là Auguste Henri Vildieu.





NGUYỄN GIA TRAVEL
Khám phá bản sắc Việt

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VÀ DU LỊCH NGUYỄN GIA

Add | Phòng 408 - CT4, KĐT Mễ Trì Thượng, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel | 04.6672.1010 - 6672.9191 **Fax** | 04.3363.1919

E-mail | info@nguyengiatravel.com - info@nguyengiatravel.vn

Web | www.nguyengiatravel.com - www.nguyengiatravel.vn

Năm 1954, Việt Nam đánh bại Pháp tại chiến dịch Điện Biên Phủ và chuyển chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về Hà Nội. Ngày 3 tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh bãi bỏ toàn bộ các cơ quan thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương và thiết lập một hệ thống cơ quan phục vụ chính phủ lâm thời Việt Nam tại đây. Tuy nhiên Hồ Chí Minh không sống trong Phủ; ông chỉ tiếp khách tại đây và sống trong một nhà sàn bên cạnh hồ nước gần đó. Hiện nay tòa nhà này là Phủ Chủ tịch, nơi diễn ra các hoạt động lễ nghi, đối ngoại trọng đại của Việt Nam. Xung quanh là khu di tích lịch sử; và gần đó có Lăng Hồ Chí Minh, bảo tàng Hồ Chí Minh, chùa Một Cột. Phủ không mở tự do cho công chúng, tuy nhiên có thể trả tiền để vào tham quan khu vườn. Hiện nay Phủ Chủ tịch có một phần được tách riêng, đó là Khu di tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, gọi tắt là Khu di tích Phủ Chủ tịch.

Vâng thưa quý khách, chúng ta đang đứng trước quảng trường Ba Đình lịch sử. Khu vực trước lăng là Vườn Hồng, một công viên nhỏ của người dân thủ đô mỗi tối đến xem lễ hạ cờ, nơi đây trồng rất nhiều hoa đào và hoa hồng, tạo ra một cảnh sắc đẹp cho Lăng Bác suốt bốn mùa trong năm.

Mùa thu Tháng Tám cách đây vừa tròn 63 năm, dưới ngọn cờ của Đảng cộng sản Việt Nam, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh toàn dân tộc ta từ Bắc chí Nam triệu người như một đã nhất tề đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ngày 19-8-1945, hàng chục vạn người dân Hà Nội sau khi tham dự mít tinh ở Quảng trường Nhà hát Lớn thành phố, đã rầm rập tỏa đi các ngả, chiếm các cơ quan, công sở của chính quyền bù nhìn thân Nhật, giành trọn vẹn chính quyền về tay nhân dân. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công trong cả nước, ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, giữa rừng cờ đỏ sao vàng và giữa rừng người dân Việt Nam vừa mới thoát khỏi ách nô lệ của đế quốc, thực dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời long trọng đọc Bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa – Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Thế là từ một khu đất còn trống vắng và hoang sơ của Hà Nội cũ dưới thời Pháp thuộc, sau ngày Tuyên bố độc lập, Quảng trường Ba Đình đã đi vào lịch sử của dân tộc ta và trở thành nơi khai sinh ra nước Việt Nam mới.





Quảng trường Ba Đình trước cách mạng Tháng Tám năm 1945 còn gọi là Quảng trường Tròn (Rond Point Puginier) hay còn gọi là Quảng trường Puginier – tên một cha cố người Pháp. Đó là một khu đất gồm những bãi đất hoang và hồ ao mới lấp bằng, rộng hàng chục héc-ta cạnh Phủ toàn quyền Pháp. Khu vực Quảng trường Tròn này trong một thời gian dài hầu như chẳng có gì thay đổi cả. Mặc dù đã hai lần có hai kiến trúc sư người Pháp là Hebrat và Cerruti đưa ra kế hoạch tổng thể để cải tạo và quy hoạch lại Quảng trường Tròn. Và sau đó vào năm 1922, rồi năm 1938, phủ Toàn quyền Pháp cũng đã có ý định quy hoạch lại Quảng trường Tròn. Song không hiểu vì lý do gì mà các dự án cải tạo Quảng trường Tròn vẫn chỉ nằm trên giấy. Tuy vậy, không phải là không có gì thay đổi. Vào năm 1930, người Pháp cũng đã cho xây dựng một công trình ở mé Quảng trường Tròn (đầu đường Cột Cờ ngày nay), đó là Nha Tài chính và Trước bạ. Ngôi nhà xây khá đẹp, được thiết kế bởi kiến trúc sư người Pháp Cerruti và do Hãng Aviat thầu và thi công. Người Pháp cũng đã dự kiến làm một công viên lớn thuộc khu đất của Quảng trường Tròn và đường Hoàng Diệu. Con đường dự kiến đó trên bản đồ mang tên Rue Paul Doumer (tên một Toàn quyền Pháp ở Đông Dương), sau Cách mạng Tháng Tám đổi thành phố Nguyễn Lâm. Như vậy là trong nửa đầu thế kỷ XX, Quảng trường Tròn này chưa có gì đáng chú ý lắm, chung quanh còn có nhiều bãi rộng đầy cát sỏi, hầu như không có cây cối, là những khoảng đất chờ được xây dựng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời, các tên phố phường và vườn hoa, công viên ở Hà Nội cũng có nhiều sự thay đổi. Quảng trường Tròn được gọi là Vườn hoa Ba Đình. Sở dĩ gọi là Vườn hoa Ba Đình hay Quảng trường Ba Đình là để tưởng nhớ cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX do Đinh Công Tráng lãnh đạo. Có phải ngẫu nhiên hay không mà Ban Tổ chức buổi lễ Tuyên bố độc lập và giới thiệu Chính phủ lâm thời lại chọn Quảng trường Ba Đình, tức là dẫn nó đến một sứ mệnh huy hoàng, làm cho nó trở thành một trong những địa danh lịch sử quan trọng của đất nước? Theo yêu cầu của Chính phủ lâm thời hồi đó, Ban tổ chức buổi lễ Tuyên bố độc lập (do mấy người trong Ban Văn hóa cứu quốc phụ trách – Trưởng ban là Phạm Văn Khoa, kiến trúc sư Ngô Huy Huỳnh và họa sĩ Nguyễn Đình Hàm) đi tìm một địa điểm rộng đủ cho một cuộc mít tinh lớn có thể tập trung được mấy chục vạn người. Ban đầu những người trong Ban tổ chức định chọn khu Quàn Ngựa hoặc Đông Dương học xá, song lại thấy nó quá xa trung tâm Thành





phố. Còn địa điểm trung tâm là Quảng trường Nhà hát Lớn thì lại quá chật chội. Vì vậy cuối cùng, Ban tổ chức đã quyết định chọn Quảng trường Ba Đình, tuy rằng lúc này xung quanh đó còn những địa điểm như Phủ Toàn quyền, Thành Hà Nội... vẫn còn những lực lượng thù địch chiếm đóng. Buổi lễ trọng đại ngày 2-9-1945, giữa Quảng trường Ba Đình, Ban tổ chức đặt một bục gỗ cao, chung quanh quấn vải, dán khẩu hiệu, trên bục có cột cờ. Giữa trời nắng chang chang tháng tám (ta), khi Chủ tịch Hồ Chí Minh lên phát biểu phải có người đứng sau che ô.

Trong thời kỳ Pháp tạm chiếm Hà Nội (1947 – 1954), Phủ Toàn quyền Pháp đã đổi tên Vườn hoa Ba Đình thành Vườn hoa Hồng Bàng. Năm 1954, khi bộ đội ta về tiếp quản Thủ đô, Dinh Toàn quyền cũ cạnh Quảng trường Ba Đình trở thành Phủ Chủ tịch, Quảng trường Ba Đình là nơi thường xuyên có những cuộc mít tinh lớn trong các ngày kỷ niệm lịch sử, hoặc để tiếp đón và chào mừng các phái đoàn quốc tế đến thăm Việt Nam. Vài năm sau, phía bên kia của Quảng trường, Chính phủ ta đã cho xây dựng Hội trường Quốc hội (nay là Hội trường Ba Đình) và cạnh đó sau này là Đài tưởng niệm các liệt sỹ đã hy sinh vì Tổ quốc.

Ngày 2-9-1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, Quảng trường Ba Đình cũng là nơi chứng kiến Lễ truy điệu Người. Sau đó không lâu, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định chọn Quảng trường Ba Đình làm nơi xây Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vào năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, một công trình kiến trúc lịch sử nữa cũng được ra đời bên cạnh Quảng trường Ba Đình, đó là Bảo tàng Hồ Chí Minh. Công trình này cũng góp phần làm cho quần thể kiến trúc khu Lăng thêm hoàn chỉnh. Như vậy là Quảng trường Ba Đình, trước đó đã có sẵn giá trị là một địa điểm vinh quang, sau hơn nửa thế kỷ đã có thêm Hội trường Ba Đình, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng mang tên Người, rồi Đài Tưởng niệm các liệt sỹ cùng nhiều di tích lịch sử và cách mạng khác đã và đang trở thành một cái tên quen thuộc và thiêng liêng, một niềm tự hào không chỉ của người dân Thủ đô, mà còn là niềm tự hào và vinh quang chung cho nhân dân cả nước.





V. Văn Miếu Quốc Tử Giám

[Download Tài liệu thuyết minh về Văn Miếu Quốc Tử Giám ở phần tiếp theo]

Kính thưa quý khách, điểm đến tiếp theo trong chuyến du lịch đầy ý nghĩa “Hà Nội – những dấu ấn vàng son” của chúng ta hôm nay sẽ là Văn Miếu Quốc Tử Giám – Nơi thờ Khổng Tử, trường Đại học đầu tiên của Việt Nam.

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La, lập lên kinh đô Thăng Long – đế đô muôn đời.

Để xây dựng quốc gia độc lập, tự chủ và hưng thịnh cần phải có hệ thống triết học làm nền tảng, một thể chế tổ chức xã hội vững mạnh và một nền giáo dục tiên tiến để đào tạo nhân tài cho đất nước. Đáp ứng nhu cầu đó, nhà Lý đã chọn Nho giáo, một học thuyết chính trị, đạo đức đã ra đời trước thời đó hơn 1500 năm, đã góp phần to lớn tạo lập nên nước Trung Hoa trật tự, kỷ cương với nền văn hoá phát triển rực rỡ và đã được du nhập vào nước ta từ lâu.

Sự kiện mở đầu cho quá trình lựa chọn đó được trình trọng ghi trong Đại Việt sử ký toàn thư :“Năm Canh Tuất, niên hiệu Thần Vũ thứ hai (1070) đời Lý Thánh Tông, mùa thu, tháng Tám, dựng Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ Phối, vẽ tượng Thất Thập Nhị hiền, bốn mùa cúng tế. hoàng Thái Tử đến học ở đó”. Năm 1075 mở khoa thi đầu tiên để chọn nhân tài và năm 1076 vua Lý Nhân Tông đã cho lập Quốc Tử Giám – Ban đầu đây là trường học dành riêng cho con em trong hoàng tộc, con em các vị đại thần quan lại trong triều đình, sau mới mở rộng đến đến các tầng lớp nhân dân bên ngoài.

Trước khi vào thăm Văn Miếu Quốc Tử Giám, chúng ta hãy cùng dừng lại bên tấm bia nhỏ, tuy nhỏ nhưng nó ghi lại một tập tục rất giàu ý nghĩa: “Cả hai tấm bia đều mang hai chữ “Hạ Mã” và được đặt ở trong toà miếu này. Trước tiên, tấm bia khẳng định: Chỗ này là cột mốc đánh dấu từ đây trở đi chúng ta có địa giới, có giới hạn của một vùng đất thiêng rất đáng quý trọng. Thứ hai, đặt ra một yêu cầu đối với mọi người về việc bày tỏ tấm lòng tôn kính của mình với nơi thiêng liêng này và sự nể trọng của mình đối với nơi trung tâm của Hà Nội – Thăng Long nghìn năm văn hiến. “Hạ mã” tức là dù quyền cao chức trọng đến đâu, cao sang đến đâu, khi cưỡi ngựa qua đây thì đều phải xuống ngựa.





Bây giờ, chúng ta hãy cùng vào thăm Văn Miếu Quốc Tử Giám. Quần thể kiến trúc Văn Miếu – Quốc Tử Giám bao gồm Hồ Văn, khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám và vườn Giám.

Hồ Văn

Trước mặt Văn Miếu là Hồ Văn với diện tích 12.247m², giữa hồ có gò Kim Châu, trên gò có dựng Phán Thủy đường, là nơi diễn ra các buổi bình văn thơ của nho sĩ kinh thành xưa. Nhà Phán Thủy nay không còn nhưng trên gò hiện còn lại một tấm bia dựng năm Tự Đức 18 (1865) trong dịp tu sửa Văn Miếu và nạo vét Hồ Văn do Hoàng giáp khoa Tân Hợi, bố chánh Hà Nội Lê Hữu Thanh soạn. Sau này, trong thời Pháp thuộc, Tứ Trụ bị chia cắt với Hồ Văn bởi phố Quốc Tử Giám chạy ngang, như quý vị đang nhìn thấy. Và do điều kiện thời gian không cho phép, điểm đến chính của chúng ta hôm nay sẽ là khu nội tự Văn Miếu Quốc Tử Giám, còn khu Hồ Văn xin được hân hạnh giới thiệu tới quý vị vào một dịp khác.

Khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Quý khách đang đứng trước “Văn Miếu – Quốc Tử Giám” – Kiến trúc chủ thể của di tích. Chúng ta thường gọi chung chung công trình này là Văn Miếu Quốc Tử Giám, nhưng đây thực chất là hai công trình được xây dựng vào hai thời điểm khác nhau. Công trình thứ nhất – Văn Miếu chính là nơi thờ Văn Tuyên Công hay là Văn Tuyên Vương, chính là Khổng Tử, được Lý Thánh Tông cho xây dựng vào năm 1070. Lý Thánh Tông là Lý gia đệ tam đế – phụ hoàng của Lý Nhân Tông (Lý gia đệ tứ đế). Và chính Lý Nhân Tông là người cho xây công trình thứ 2 – Quốc Tử Giám năm 1076. Do đó chúng ta có một tổ hợp kiến trúc vừa để thờ Khổng Tử, vừa để làm trường Đại học đầu tiên của nền văn hóa và khoa học dân tộc chúng ta. Ghép lại thành Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Văn Miếu – Quốc Tử Giám được chia làm 5 khu rõ rệt, song liên hoàn với nhau theo một tổng thể kiến trúc hài hòa qua trục đường thần đạo nối từ đầu đến cuối khuôn viên. Khuôn viên có chiều dài 31 thước, chiều rộng 46 thước. Mặt chính của công trình quay về hướng Nam theo quan niệm “Thánh nhân Nam diện nhi trị thiên hạ” (bậc Thánh nhân quay mặt về phương Nam để cai trị thiên hạ).





Khu tiền án là khoảng không gian mở ra phía trước tạo cho Văn Miếu dáng vẻ bề thế, uy nghi. Khu này được bắt đầu bằng tứ trụ (nghi môn) và hai tấm bia Hạ Mã ý nghĩa ở hai bên mà chúng ta vừa thấy.

Quý khách đang đứng trước “tứ trụ” – Cổng chính của Văn Miếu – Quốc Tử Giám. Trước đây tứ trụ nằm soi bóng xuống mặt Hồ Văn trong xanh theo quan niệm phong thủy Á Đông “âm – dương đối ngẫu” thường được thể hiện ở các kiến trúc tôn giáo. Tứ trụ xây bằng gạch, hai cột giữa xây cao hơn, trên có hình hai con nghê chầu vào. Nghê là con vật biểu trưng mang yếu tố huyền thoại, dũng mãnh, thiên biến vạn hóa, tượng trưng cho trí tuệ, là biến thể từ sư tử và chó dữ, có sức mạnh như chúa tể muôn loài. Quan niệm tâm linh cho rằng đây là con vật linh thiêng có khả năng nhận ra kẻ ác hay người thiện. Hai trụ ngoài đắp nổi hình bốn con chim phượng xoè cánh chắp đuôi vào nhau. “Nghê chầu phượng múa” là một motif trang trí quen thuộc thường được thấy ở các đình miếu cổ thể hiện sự thiêng liêng và vẻ hoa mỹ của di tích quý giá. Những câu đối đề ở Tứ Trụ đều có ý nghĩa ngợi ca đạo học trong chốn nhân gian:

“ Cao vỹng mấy tầng chở chuyên biết bao đạo lý

Ngóng trông vạn thưở nguy nga một trấn học đường”

“Đông, tây, nam, bắc tư do đạo

Công khanh, phu sĩ, xuất xuất thủ đồ”

Kính thưa quý khách, qua cổng Tứ Trụ, quý khách đang bước trên đoạn đầu của con đường thần đạo – đoạn nối giữa tứ trụ và tam quan.

Tam quan Văn Miếu – Quốc Tử Giám cao 2 tầng, 8 mái mở ra ba cửa biểu trưng cho cách nhìn của nhà Phật về 3 thế giới quá khứ – hiện tại – tương lai. Trên cổng Tam Quan có ba chữ đại tự “Văn Miếu Môn”, đỉnh đắp hình “lưỡng long chầu nguyệt” – một motif trang trí rất có ý nghĩa và khá quen thuộc tại các công trình kiến trúc cổ của Việt Nam. Có rất nhiều cách giải thích khác nhau cho hình tượng nghệ thuật độc đáo này. Rồng là một hình tượng có vị trí đặc biệt trong văn hoá, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam, là linh vật đứng vào hàng bậc nhất trong tứ linh “long, ly, quy, phượng”. Rồng tượng trưng cho sự phồn vinh và sức mạnh của dân tộc, cho uy quyền tuyệt đối của đấng thiên tử, của nhà nước phong kiến, trang trí rồng chỉ dùng ở





những nơi trang trọng như cung vua, các công trình lớn của quốc gia hay các công trình tôn giáo. “Lưỡng long tranh châu” gồm hai con rồng nằm ngang hai bên, ở giữa là “quả cầu lửa” mà theo một số nhà nghiên cứu là “viên ngọc”. Đó đó, nó còn được gọi là “Rồng giỡn hột châu”, hoặc là “mặt trời” (nên gọi là lưỡng long châu nhật), biểu hiện cho sức mạnh vương giả với chí khí tranh hùng tranh bá.

Bên cạnh đó, hình tròn có ngọn lửa còn được giải thích là tượng trưng cho sấm sét, nguồn nước, bản thân rồng cũng gắn liền với mây mưa, mang đến mùa màng tươi tốt. Và như vậy, lưỡng long châu nguyệt còn biểu trưng cho tín ngưỡng cầu mưa của người Việt – những cư dân nông nghiệp.

Điểm đặc biệt trong trang trí “lưỡng long châu nhật” của người Việt đó là viên ngọc không hoàn toàn chạm vào miệng rồng và rồng không ngậm nó. Viên ngọc là biểu trưng cho nhân văn, tri thức và lòng cao thượng. Điều đó cho thấy dân tộc ta luôn coi tri thức là vô hạn, những đức tính tốt đẹp là điều luôn phải học hỏi, rèn giũa. Đây là điểm khác biệt đối với trang trí rồng – ngọc của Trung Hoa. Rồng Trung Hoa luôn giữ viên ngọc ở chân thể hiện ý muốn làm chủ. Đây phần nào thể hiện sự khác biệt giữa hai nền văn hoá.

Chính nhờ vẻ đẹp cân đối cùng với ý nghĩa sâu xa mà “lưỡng long châu nhật” trở thành một đề tài trang trí rất phổ biến tại các công trình kiến trúc cổ tại Việt Nam và quý khách sẽ gặp lại nó trong nhiều hạng mục khác của di tích này.

Phía trước cổng tam quan là đôi rồng đá cách điệu thời Lê, bên trong là đôi rồng đá thời Nguyễn. Hai đôi rồng đó là hình tượng biểu trưng cho truyền thống tốt đẹp “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta: Các nho sĩ sau khi học thành tài, ra giúp đời, thành danh, quay trở lại thể hiện lòng tôn kính, biết ơn đối với thầy của mình. Bên trái cổng tam quan đắp hình “long ngư tụ hội” (cá rồng ẩn hiện trong mây) ví như cảnh thanh vân đắc lộ của các nho sinh thành tài. Bên phải là cảnh mãnh hổ hạ sơn (hổ lớn hùng dũng xuống núi) ngụ ý như những bậc thứ giả vững bước vào thời cuộc mới. Hai mặt cổng tam quan đều đắp nổi câu đối chữ Hán với ý nghĩa đề cao kết quả của sự học trong chốn nhân gian. Có câu mang đại ý:





*“Áo mũ xanh xang nhà cửa bá quan như nước chảy
Tam quan bề thế học đường bao lớp tựa núi cao”*

*“Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, thả tôn sùng chi, diệc tín tư văn nguyên hữu dụng
Ngô nho yêu thông kinh, yếu thức thời, vô câu cố dĩ, thượng tư thánh huấn vĩnh tương đôn”*

(Nước lớn không thay nền giáo hoá, không biến đổi phong tục mà tôn sùng đạo nho
và tin tưởng tư văn vốn có ích.

Nhà nho phải thông hiểu kinh sách, phải thức thời, không nên câu nệ, cố chấp,
nghĩ rằng lời giáo huấn của thánh hiền mãi mãi được đề cao).

*“Sỹ phu báo đáp vị hà tai, triều đình tuyển cửu tri ân, quốc gia sùng thượng chi ý.
Thế đạo duy trì thị thử nhĩ, lễ nhạc y quan sở tuy, thanh danh văn vật sở đồ.”*

(Bậc thánh nhân phải báo đáp như thế nào ân tuyển chọn của triều đình,
ý tôn sùng của quốc gia.

Thế đạo phải duy trì như thế đấy, phải thấy nơi này là lễ nhạc, y quan,
là nơi tập trung thanh danh văn vật).

Cổng chính của tam quan chỉ được mở cho các bậc môn quân đi trong các dịp đại lễ. Các môn
sinh và thứ dân chỉ đi bằng hai cửa nhỏ hai bên.

Khu nội tự của Văn Miếu thiêng liêng được ngăn cách với không gian bên ngoài bằng hệ thống
tường gạch vồ vững chãi và chia thành năm lớp không gian khác nhau. Mỗi lớp không gian lại
được giới hạn bởi một bức tường gạch chạy hết chiều ngang và có cửa thông nhau. Năm khu
tương ứng với ngũ hành (kim – mộc – thủy – hỏa – thổ) theo quan niệm sự phối tác năm yếu tố
cơ bản hình thành lên vũ trụ của triết học phương Đông cổ truyền.

Quý khách đang ở lớp không gian đầu tiên giữa tam quan và cửa Đại Trung được gọi là “khu
nhập đạo”. Nơi đây có hai khuôn hồ lớn ở vị trí như hai ao mắt rồng tại các khu đình chùa vùng
nông thôn Bắc Bộ. Đường thần đạo chính giữa dẫn vào cửa chính của cửa Đại Trung. Song
song với đường thần đạo là hai lối nhỏ dẫn thẳng đến hai cửa nhỏ nằm hai bên phải và trái của
cửa Đại Trung mang tên cửa Thành Đức và cửa Đạt Tài với ý nghĩa sâu xa là đạo học sẽ đào





tạo môn sinh thành những con người toàn diện có cả đức và tài, có khả năng đem tài đức ra thi thố trong xã hội để phục vụ triều đình và chúng dân muôn nhà. Trong năm lớp không gian của khu Văn Miếu Quốc Tử Giám, không gian khu nhập đạo mà quý khách đang đứng đây có cảnh quan môi trường tươi đẹp và thoáng đạt nhất. Bao gồm một hệ thống cây cổ thụ có tuổi đời vài trăm năm tuổi, các loại cây cho bóng mát và cho hoa nở suốt bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Cửa Đại Trung gồm ba gian, xây trên nền gạch cao, mái lợp ngói mũi hài, có hai hàng cột chống hiên trước và hiên sau, ở giữa là hàng cột chống nóc. Cửa sơn màu đỏ biểu trưng cho sự thành đạt và may mắn

Qua cửa Đại Trung, chúng ta sẽ đến với lớp không gian thứ ba của Văn Miếu Quốc Tử Giám được tiếp nối bởi gác Khuê Văn và hai cửa nhỏ Bí Văn và Súc Văn ở hai bên. Bí Văn và Súc Văn hàm ý ca ngợi những vẻ đẹp của văn chương: Súc tích, trau chuốt và sáng sủa.

Gác Khuê Văn là lầu gác tám mái một nóc, thể hiện điểm cực dương, được xây dựng vào năm 1805 dưới thời Nguyễn Gia Long do quan tổng trấn Bắc thành – Nguyễn Văn Thành chỉ đạo thiết kế thi công. Gác được xây trên nền vuông cao lát gạch Bát Tràng, với kiểu dáng kiến trúc khá độc đáo: Tầng dưới là bốn trụ gạch, bốn bề trống không, tầng trên là kiến trúc gỗ hai tầng, mái lợp ngói ống, trang trí bốn góc bằng đất nung. Sàn gỗ chừa ra một khoảng để bắc thang lên gác, bốn cạnh có diềm gỗ chạm trổ tinh vi. Bốn mặt gác trổ bốn cửa sổ tròn xung quanh có những thanh gỗ con tiện tượng trưng cho những tia của sao Khuê tỏa sáng.

Tuy ra đời không cùng thời với các hạng mục khác trong Văn Miếu Quốc Tử Giám song như quý khách thấy, kiến trúc gác Khuê Văn rất hài hòa với tổng thể kiến trúc Văn Miếu Quốc Tử Giám và từ lâu đã trở thành một điểm nhấn kiến trúc thu hút sự chú ý của du khách trong và ngoài nước.

Ba chữ đại tự “Khuê Văn Các” được đề cả ở mặt trước và sau của lầu gác. Xung quanh gác Khuê Văn đều có đề những đôi câu đối ca tụng vẻ đẹp và ý nghĩa của đạo học và văn chương trong trời đất. Đại ý:



“Sao Khuê sáng giữa trời nhân văn rạng tỏ

Sông Bích đượm sắc xuân đạo học dài lâu”

“Đời thịnh tô điểm nền văn trị

Lầu gác lộng lẫy lưu giữ vẻ đẹp”

“Khuê Văn” theo cách lý giải truyền thống về thiên thể là tên một ngôi sao trong chòm sao sáng nhất của bầu trời gồm 28 ngôi gọi là nhị thập bát tú. Trong sách “hiếu kinh” có ghi: “Sao Khuê chủ về văn chương, văn học, giáo dục, khoa cử”. Cho nên đặt công trình có tính chất biểu trưng, biểu tượng này vào đây, nội dung tư tưởng hoàn toàn phù hợp với Văn Miếu và Quốc Tử Giám. Về mặt vật thể thì những đường nét kiến trúc và kiểu dáng kiến trúc cũng hoàn toàn hài hòa ăn nhập vào bối cảnh chung của vùng này. Hình mặt trời tượng trưng cho đạo học và những gì thiêng liêng cao cao quý.

Gác Khuê Văn xinh xắn, kiến trúc giản dị, tao nhã, soi mình duyên dáng xuống mặt nước Thiên Quang Tỉnh tức giếng Ánh Sáng Mặt Trời càng làm tăng thêm vẻ đẹp của nó.

Giếng Thiên Quang hình vuông, có lan can gạch bao quanh, quanh năm nước đầy, mặt nước phẳng lặng, vừa tạo một nhịp tiếp nối kiến trúc hài hòa nơi trung tâm cho tổng thể kiến trúc Văn Miếu Quốc Tử Giám, vừa có ý nghĩa như một hồ nước điều hòa không khí. Và giếng Thiên Quang còn đóng vai trò một mặt gương thiên nhiên rộng lớn và sáng tỏ. Theo quan niệm của người xưa, giếng hình vuông tượng trưng cho mặt đất xanh tươi, cửa sổ hình tròn của Khuê Văn Các và các tia sáng xòe rộng xung quanh tượng trưng cho mặt trời rực rỡ. Hàm ý nơi đây là chốn hội tụ tinh hoa của trời đất, ngụ ý đề cao một trung tâm văn hóa giáo dục lớn nhất và danh tiếng nhất của đất nước.

82 bia tiến sỹ ở hai bên khu vực này thực sự là kho tàng vô giá lưu trữ không chỉ là tên tuổi của những người đã đỗ đạt trong các khoa thi thời nhà Lê hơn ba trăm năm, mà nó còn là nơi giữ gìn và biểu đạt cả hệ thống tư tưởng và văn hóa của nước Việt Nam trung cổ và cổ truyền. Trong đó có cả tư tưởng mà đến tận bây giờ tất cả mọi người đều khâm phục, đó là lời của Thân Nhân Trung viết theo lệnh của vua Lê Thánh Tông, khắc trên tấm bia khoa thi năm Đại Bảo 1442 : “hiền tài là nguyên khí của quốc gia”. Điều đặc sắc là những hàng bia ấy soi trên



mặt Thiên Quang Tỉnh (Giếng ánh sáng trời). Các sỹ tử cũng như các quan khách từ ngoài vào trong khu chính này đều phải đi qua đây. Và họ phải soi bóng mình xuống tấm gương này để lấy ánh sáng trời “thiên quang” để chỉnh đốn tư tưởng của mình, cũng như là lấy luôn làn nước xanh này làm nơi sửa sang lại y quan áo mũ cho chỉnh tề. Lấy ánh sáng trời mà rèn tạo, thanh lọc những điều gì không xứng đáng ở trong mình trước khi vào nơi thiêng liêng quan trọng nhất ở trong kia.

Vườn bia :Khu vực vườn bia là một di tích có giá trị bậc nhất ở đây, gồm 82 bia, dựng ở 2 bên phải trái của Thiên Quang Tỉnh, mỗi bên có 41 tấm bia dựng thành hàng nằm ngang quay mặt về phía giếng (82 tấm bia này để ghi khắc họ tên, quê quán của 1307 vị tiến sĩ...).

Ý tưởng dựng bia ghi tên các tiến sĩ được khởi sự từ đời Lê Thánh Tông (1484) – một vị hoàng đế tài cao, học rộng quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân gian của dân tộc và các đời vua kế tiếp đã cho dựng bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám nhằm mục đích biểu dương các Nho giáo sĩ đỗ đạt và khích lệ việc học hành thi cử. Ở hai khu vườn bia, mỗi bên có một tòa đình vuông, bốn mặt bỏ trống, nền cao giữa các bệ, cửa đều thông thẳng xuống giếng. Đây là hai tòa đình thờ bia. Xưa kia hàng năm xuân thu nhị kỳ trong Văn Miếu làm lễ tế thì ở đây cũng sửa lễ vật cúng bái các vị tiên nho của nước ta mà quý tính cao danh còn khắc trên bia đá. 82 tấm bia tiến sĩ là những di vật quý giá, có giá trị bậc nhất của di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám, là niềm tự hào của nền văn hóa giáo dục dân tộc đã tạo nên và lưu giữ được một pho “ Sử đá” có giá trị về mọi mặt. 82 tấm bia tiến sĩ là 82 phong cách điêu khắc, tuy kích thước khác nhau nhưng bia nào cũng được dựng trên lưng một con Rùa, cổ ngẩng cao, bốn chân xoài ra trong tư thế đang bò lên. Theo một số cách giải thích thì trong quan niệm của người Việt Nam thì Rùa từ xa xưa đã gắn với đất nước Việt Nam : Đó là thần Kim Quy giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa, trong truyền thuyết Hồ Hoàn Kiếm, Rùa còn là sứ giả của Thủy Vương giúp Lê Lợi đại phá quân Minh... Rùa là con vật được hợp lại bởi cả âm và dương : bụng phẳng tượng trưng cho đất mang yếu tố âm, mai khum tượng trưng cho trời đất – mang yếu tố dương. Ngoài ra, nó còn có ý nghĩa là chịu đựng và sống lâu vĩnh hằng. Bia đá đặt trên lưng Rùa nhằm khẳng định sự trường tồn của trí tuệ, của tinh hoa dân tộc. Đồng thời đó cũng là tấm gương nhắc nhở cho con cháu hôm nay và mai sau cùng học tập, phấn đấu theo gương





ông cha ta thờ trước. 82 tấm bia ghi tên 1805 nhân vật, trong đó có 17 trạng nguyên, 19 bảng nhãn, 47 thám hoa, 284 hoàng giáp và 938 tiến sĩ.

Qua văn bia, ta biết rõ được họ tên của các tiến sĩ mà ngày nay danh tiếng vẫn còn lưu truyền mãi như : nhà sử học Ngô Sĩ Liên – tiến sĩ năm 1442; nhà sử học, nhà quân sự, chính trị, văn hóa, nhà thuật học tài năng lỗi lạc Lê Quý Đôn – khoa thi năm 1752, nhà ngoại giao lỗi lạc Ngô Thì Nhậm tiến sĩ khoa 1775...người đầu tiên được khắc tên trên bia đá là trạng nguyên Nguyễn Trực người xã Bối Khuê, huyện Thanh Oai, Hà Tây, đỗ trạng nguyên khoa Nhâm Tuất niên hiệu Bảo Đại thứ Ba (1442) đời vua Lê Thánh Tông. Người cuối cùng được ghi trên bia đá là tiến sĩ Phạm Huy Ôn vào khoa thi Kỷ Hợi (1779) và cũng là khoa thi cuối cùng được dựng tại bia Văn Miếu – Quốc Tử Giám. Về sau, vào thời vua Gia Long và trong kinh thành Phú Xuân – Huế. Nhìn vào hai vườn bia, ta nhận thấy sự khác nhau giữa các bia – đó là do ở mỗi thời kỳ được khắc lại có những nét kiến trúc riêng cho mỗi loại : Những tấm bia được khắc vào thế kỷ 15 (14 chiếc) có trán bằng, mỏng, thấp, có hình hoa lá mây trăng, có ảnh hưởng của tam giáo Đồng nguyên. Trang trí hoa sen – ảnh hưởng của Phật giáo, con Rùa đầu hình chim, mắt có lông mày, mềm như mỏ chim, đầu ngẩng cao, đôi khi có răng, mai trơn, chân rụt lại. Những tấm bia được khắc vào thế kỷ 17 (25 chiếc). Trên bia có xuất hiện sừng tê, ngư hầu bảo (Đạo giáo), bia có hình mặt nguyệt , kích thước cao. Có thể nói nghệ thuật chạm khắc ở đây đã tiến cao hơn một bậc. Bố cục cân xứng. Những tấm bia loại ba được xây dựng vào thế kỷ 18. Bia to cao, trang trí cách điệu nghệ thuật thì khô cứng, duy nhất có một tấm bia chạm khắc hình người và trâu, rùa có giống đầu Rùa thật, mai cong vồng lên, có gò sống lưng chạm hình sáu cạnh. Ngoài ra còn một số bia ngoại lệ, không thuộc phong cách nào cả.

Đại Thành Môn

Qua cửa Đại Thành là khu vực thứ 4 của Văn Miếu – đây chính là khu vực thờ Khổng Tử và các bậc hiền triết, bao gồm Đại Thành, nhà Bái Đường và hai dãy Đông Vũ và Tây Vũ. Cửa Đại Thành ba gian với hai cột hiên trước và sau giống nhau như cửa Đại Trung, một hàng giữa đỡ xà nóc, ba gian đều được lắp cửa gỗ sơn đỏ trên có họa tiết rồng, mây. Gian giữa treo bức hoành phi đề ba chữ “ Đại Thành Môn”. Cửa Đại Thành là cửa của sự thành đạt lớn lao mở đầu cho khu vực của những kiến trúc chính mang một cái tên đầy ý nghĩa về học vấn, đạo





đức.

Bước qua cửa Đại Thành là tới một sân rộng lát gạch Bát Tràng. Hai bên chân là hai dãy nhà Tả – Hữu vu. Chính trước mặt là tòa Đại Bái Đường lớn, rộng và thâm nghiêm, trải suốt chiều rộng nối với đầu hồi của Tả – Hữu vu tạo thành hình chữ U rất cổ kính và truyền thống. Sau Đại Bái Đường là tòa Thượng Điện bằng một tiểu hình vuông. Nếu tách riêng ba cụm kiến trúc này ra thì chúng được xây theo hình chữ Công (I) mà tiểu đình chính là nét giữa Đại Bái và Tòa Thượng Điện là hai nét ngang trên và dưới.

Tòa Bái Đường gồm chín gian với bốn cột chõng mái, chõng rường, bít hai đầu mái ngói mũi hài, trên đắp nổi hai con Rồng chầu nguyệt. Hai gian đầu hồi mặt trước và mặt sau là cửa gỗ gắn song con tiện, phía dưới là nững bức phù điêu gỗ thời Lê khắc nổi hình Rồng bay cao rất đẹp. Toàn bộ cột gỗ tàu trên mái đều được sơn son thiếp vàng, hai hàng cột ở giữa có trang trí mới đây vào năm 1994 lợp lại ngói, năm 1995 sơn thiếp các kết cấu gỗ. Đây là nơi dùng để tổ chức các nghi lễ lớn. Do vậy, chính giữa tòa Đại Bái đặt một hương án lớn, trên bày đồ thờ. Phía trên hương án có bức hoành phi " Vạn Thế Sư Biểu" tức " Người thầy của muôn đời" được làm vào năm 1888 trong lần tu sửa Văn Miếu. Ở gian đầu hồi phía Đông treo bức hoành phi " Cổ kim nhật nguyệt" tức " Ánh sáng muôn thuở" và chuông Bích Ung đều của tư Nghiệp Quốc Tử Giám quân quận công Nguyễn Nghiễm (cha của đại thi hào Nguyễn Du) – 1768.

Nơi đây cũng để thờ Chu Văn An (1293 – 1370), ông là một nhà Nho nổi tiếng về đạo đức và tài năng học vấn. Năm 1328 được vua Trần Minh Tông mời về kinh để dạy cho Thái tử và sau đó được bổ giữ chức vụ tư nghiệp Quốc Tử Giám. Sau khi ông mất, vua Trần Nhân Tông ban húy là Khánh Tiết cho thờ tại đây. Tại nơi đặt bàn thờ có hai con hạc đứng trên lưng hai con Rùa ở hai bên – thể hiện cho sự hài hòa âm – dương

Điện Đại Thành chạy song song với nhà Đại Bái. Điện gồm chín gian, xây kín ba mặt, phía trước có cửa – bức màn đóng kín 7 gian giữa, hai gian đầu hồi có cửa có chấn song có con tiện cố định mang phong cách kiến trúc thời Lê. Điện là nơi thờ Khổng Tử và Tứ Phối. Gian chính là tượng Khổng Tử quay mặt về hướng Nam, phía sau là khám thờ trên có ngai và bài vị "Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử Bài Vị". Tư thế tay của Khổng Tử là thế tay của một người trên khoan thai lắng nghe người dưới trình bày, râu bấm một vấn đề nào đó. Trước mặt





là mười chiếc giáo, trên chuỗi giáo là phía trái của Khổng Tử có đề chữ “ tránh ra”, trên phía phải chuỗi giáo đề chữ “ Một người nghiêm túc”. Trên mỗi bàn thờ có hình hai con hạc – Đó là ngựa của Đạo sĩ để lên trời. Trước bàn thờ của Khổng Tử có hai con Voi – Đó là biểu tượng cho sức mạnh chân lý tuyệt đối.

Tòa Đại Bái và Điện Thánh là nơi các triều đại Lý, Trần, Lê hàng năm Xuân thu hai lần chọn ngày Đinh thứ hai và thứ tám để tế lễ do vua làm chủ tế hoặc các Hoàng Thân, đại thần tế. Khi Kinh đô chuyển vào Huế hàng năm ở Văn Miếu Bắc Thành do quan Tổng đốc tiến hành nghi thức tế lễ. Hai dãy Đông Vu và Tây Vu ở hai bên sân Đại Bái đều gồm chín gian, trước đây mỗi dãy đều xây dựng lại vào năm 1954.

Thưa quý khách chúng ta đã thăm xong điện thánh, sau điện thánh có cổng dẫn sang nhà Thái Học – Khu thứ 5 của di tích này. Và bây giờ chúng ta sẽ đi thăm khu di tích này.

Thưa quý khách! Khu thái học đường này có tuổi đời ít nhất trong năm phần của nội tự bởi mới chỉ được khánh thành vào năm 2000. Ngày tại vị trí này khi xưa là Quốc Tử Giám, có các giảng đường Đông – Tây, chính giữa là nhà Minh Luận kho bí thư(tức thư viện chứa sách và các ván khắc in sách), sát phía cuối là dãy nhà cho các sỹ tử ở. Đến thời nhà Nguyễn, kinh đô rời vào Huế(1802) vua Gia Long cho dựng Văn Miếu ở Huế, văn miếu Hà Nội trở thành học phủ của phủ Hoài Đức(sau thuộc Hà Nội) và xây đền Khải Thánh thờ phụ thân của Khổng Tử. Đến năm 1947 toàn quốc kháng chiến toàn bộ khu này bị đốt phá hoàn toàn. Vì vậy Thái học đường ngày nay là kết quả của dự án trùng tu, bảo tồn di tích của Sở Văn hoá Thông tin Hà Nội nhân dịp kỷ niệm 990 năm Thăng Long – Hà Nội vào năm 2000. Tuy nhiên du khách khi vào thăm khu di tích này sẽ không bị lạc lõng bởi tuy được trùng tu lại nhưng vẫn giữ nét kiến trúc cổ bản và dáng vẻ xưa kia của Văn Miếu, đó là quần thể kiến trúc tương tự như khu Đại Thành: Toà nhà trung tâm ở giữa là nơi tôn vinh các danh nhân có công xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám cũng như các bậc thầy đạo đức trọng: Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Chu Văn An...Ngoài ra còn là nơi giới thiệu các tư liệu liên quan đến việc học hành thi cử, giáo dục đào tạo thời phong kiến. Đây cũng là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá, khoa học như hội thảo, lễ kỷ niệm danh nhân, trưng bày chuyên đề...Hai bên toà nhà chính là hai dãy nhà làm việc thư viện, trưng bày toàn bộ công trình hoàn toàn theo kiểu kiến trúc cổ.





Thưa quý khách! Việc dựng tượng thờ 4 vị danh nhân không chỉ nhằm tưởng nhớ những người có công lập Văn Miếu – Quốc Tử Giám mà còn nhằm tôn vinh truyền thống hiếu học của dân tộc ta.

Thưa quý khách! Vua Lý Nhân Tông (1023 – 1072) là người đặt quốc hiệu Đại Việt và là vị vua có công khai sáng và đặt nền móng cho nền giáo dục nho học khoa cử Việt Nam, mặc dù thời Lý luôn được coi là thời kỳ tam giáo đồng nguyên trong đó Đạo Phật phát triển hơn cả, nhưng để tồn tại, phát triển và củng cố chế độ, thì phải có sự cải tổ Phật giáo và phát triển nho giáo. Năm 1070 vua Lý Thánh Tông(1066-1072) cho xây dựng Văn Miếu, đúc tượng Chu Công, Khổng Tử và vẽ tranh 72 vị hiền sĩ để thờ với mong muốn khai hóa cho dân và thể hiện sự coi trọng của nhà vua đối với hiền tài. Vua còn cho hoàng tử đến đây để học hàng ngày. Vua Lê Thánh Tông chính là người sáng lập ra Văn Miếu và là người đặt nền móng cho Quốc Tử Giám ra đời.

Vua Lý Nhân Tông chính là vị hoàng tử được đến học tại Văn Miếu Và sau này là người sáng lập ra Quốc Tử Giám – trường Đại học đầu tiên của nước ta và là người mở khoa thi đầu tiên trong lịch sử khoa cử Việt Nam, đó là kỳ thi “Minh kinh bác học”

Vua Lê Thánh Tông là người đã phát triển Văn Miếu – Quốc Tử Giám đến mức rực rỡ nhất: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng học hành thi cử và đều đặn mở 3 năm một lần kì thi hội tại kinh đô. Chính vua Lê Thánh Tông là người cho dựng Văn bia tiến sĩ đầu tiên tại Văn Miếu (1484), sáng lập ra hội tào đàn gồm 28 tiến sĩ gởi thơ văn nhất thời đó.

Thưa quý khách thật là thiếu sót nếu như đến thăm Văn Miếu mà không tìm hiểu xem hình thức và nội dung thi cử, cũng như thầy giáo và sinh viên đã từng học ở đây. Tôi xin được giới thiệu cho quý khách một vài nội dung sơ lược như sau:

Chế độ thi cử của kinh thành Thăng Long từ khi có Văn Miếu – Quốc Tử Giám gồm ba kỳ: *Thi Hương*: Được tổ chức theo một vùng gồm nhiều Trấn hay Lộ do triều đình quy định. Thí sinh tham dự thi hương phải dự 4 kỳ thi: Kinh nghĩa, thơ phú, chế chiếu biểu, văn sách. Dưới thời Lê người đỗ cả bốn kỳ được gọi là Hương cống, đỗ ba kỳ thi gọi là Sinh đồ. Những người đỗ bốn kỳ thi thì được học trong Quốc Tử Giám để *thi hội* và *thi đình*. Thi đình diễn ra tại Văn





Miếu, đề do nhà vua soạn ra, thí sinh phải làm một bài văn sách để phân tài cao thấp, những người đỗ kỳ thi này được chia làm 3 giáp.

1. Đề nhất giáp: Trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa (tối đa ba người – tam khôi)
2. Đề nhị giáp: Tiến sỹ xuất thân.
3. Đề tam giáp: Đồng tiến sỹ xuất thân

Sau khi đỗ được vào học trong Quốc Tử Giám. Bộ máy quản lý của Quốc Tử Giám từ trên xuống dưới là: Quan tế tử, tư nghiệp, tập thể giáo thụ, trực giảng, trợ giáo và minh kinh báo sỹ. Trong lịch sử có nhiều nho sỹ nổi tiếng phụ trách Quốc Tử Giám: Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh....

Học sinh ở đây lúc đầu chỉ là hoàng thái tử, hoàng tử, con vua quan quý tộc. Từ thời Lê, được mở rộng ra bao gồm cả những học sinh xuất sắc có nguồn gốc bình dân. Điều này thể hiện tư tưởng tiến bộ của triều đình trọng người tài. Chương trình học chủ yếu dựa vào sách kinh điển của nho giáo: Tứ thư: Trung dung- luận ngữ Mạnh Tử và Ngũ kinh: kinh dịch, thư, lễ, xuân, thu.

Thưa quý khách! chúng ta vừa tham quan xong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám. Hy vọng chuyến đi này sẽ giúp quý khách có thêm nhiều thông tin về nền giáo dục nước nhà từ thời phong kiến xưa. Đã đến lúc chúng ta phải chia tay với Văn Miếu, tôi hy vọng sẽ được gặp quý khách trong những chuyến du lịch tham quan Hà Nội lần sau. Chào thân ái!

Nguồn: thuyetminhdulich

